



fèng wěi yú

凤尾鱼

noun · anchovy

Example Sentences

wǒ xǐ huān chī fèng wěi yú
我 喜 欢 吃 凤 尾 鱼。

I like eating anchovies.

mā ma yòng fèng wěi yú zuò le shā lā
妈 妈 用 凤 尾 鱼 做 了 沙 拉。

Mom made a salad with anchovies.

fèng wěi yú guān tóu shì hěn duō jiā tíng cháng bèi de shí cái
凤 尾 鱼 罐 头 是 很 多 家 庭 常 备 的 食 材。

Canned anchovies are a common ingredient in many households.

Trace each character, then write the word on your own.

凤 凤 凤 凤 凤 凤 凤

尾 尾 尾 尾 尾 尾 尾 尾 尾 尾

鱼 鱼 鱼 鱼 鱼 鱼 鱼 鱼 鱼 鱼 鱼